

ĐỀ THI CHÍNH THỨC VÀO 10**MÔN: NGỮ VĂN – TUYỂN QUANG NĂM 2025****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)**

Đọc văn bản:

*Những tháng năm lam lũ với đã tràng
Chuyện buồn vui giấu vào trong mép sông
Cá xóm chài xôn xao chiều biển động
Bão giông thường tạt xuống lấm buồn đau*

*Mẹ lặng thầm ngồi tát cạn đêm thâu
Lo nỗi đời nhiều mưa nguồn chớp bé
Tôi nông nổi đi hết bờ tuổi trẻ
Còn nghe lời nhắn nhủ xa sâu*

*Những con đê cường tráng tựa vai nhau
Vẫn nở vàng một loài hoa nhỏ dại
Khi tôi đi sóng vỗ vào nỗi nhớ
Khi tôi về biển hát điệu dân ca ...*

(Trích Gửi quê - Trần Văn Lợi, in trong tập thơ Miền gió cát, NXB Thanh niên, 2000, tr.10)

Thực hiện các yêu cầu:**Câu 1 (0,5 điểm).** Xác định thể thơ của văn bản trên.**Câu 2 (0,5 điểm).** Người bộc lộ cảm xúc trong văn bản xuất hiện trực tiếp qua từ ngữ nào?**Câu 3 (1,0 điểm).** Phân tích tác dụng của việc sử dụng biện pháp tu từ nhân hóa trong dòng thơ Những con đê cường tráng tựa vai nhau.**Câu 4 (1,0 điểm).** Trình bày cách hiểu của em về hai dòng thơ sau:

*Mẹ lặng thầm ngồi tát cạn đêm thâu
Lo nỗi đời nhiều mưa nguồn chớp bé*

Câu 5 (1,0 điểm). Văn bản trên gợi cho em suy nghĩ gì về vai trò của quê hương đối với mỗi người? (Trình bày khoảng 5 đến 7 dòng).**II. VIẾT (6,0 điểm)****Câu 1 (2,0 điểm)**

Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) ghi lại cảm nghĩ của em về đoạn thơ (3) ở phần Đọc hiểu.

Câu 2 (4,0 điểm)

Hiện nay, việc sử dụng điện thoại thông minh (smartphone) đã trở nên khá phổ biến trong đối tượng học sinh trung học.

Hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày các giải pháp giúp học sinh sử dụng điện thoại thông minh một cách hiệu quả.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT
THỰC HIỆN BỞI BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

ĐỌC HIỂU

Câu 1

Phương pháp:

Căn cứ các thể thơ đã học, phân tích

Cách giải:

Thể thơ 8 chữ

Câu 2

Phương pháp:

Căn cứ bài đọc hiểu, phân tích

Cách giải:

Người bộc lộ cảm xúc trong văn bản xuất hiện trực tiếp qua các từ ngữ: “tôi”.

Câu 3

Phương pháp:

Căn cứ bài nhân hoá, phân tích

Cách giải:

Biện pháp nhân hoá: (con đê) cường tráng, tựa vai

Tác dụng:

- Gợi hình ảnh sinh động, gần gũi, thân thiết giữa những con đê – như những con người cùng kề vai sát cánh bảo vệ làng quê.
- Thể hiện sức mạnh kiên cường, bền bỉ của quê hương trước thiên tai, bão lũ.
- Làm nổi bật tinh thần đoàn kết

Câu 4

Phương pháp:

Căn cứ nội dung hai câu thơ, phân tích

Cách giải:

HS dựa vào nội dung 2 câu thơ và đưa ra cách hiểu phù hợp

- Hình ảnh “mẹ lặng thầm ngồi tát cạn đêm đau” thể hiện sự hy sinh thầm lặng và vất vả của mẹ trong cuộc sống.
- “Lo nỗi đời nhiều mưa nguồn chớp bể” diễn tả những lo toan, trăn trở về cuộc đời đầy giông bão, biến động.

=> Hai câu thơ thể hiện sâu sắc tình yêu thương, đức hi sinh và vai trò chở che của người mẹ, đồng thời cũng biểu tượng cho hình ảnh quê hương tảo tần, bền bỉ vượt qua gian khó.

Câu 5

Phương pháp:

Phân tích

Cách giải:

Gợi ý:

- Quê hương là nơi nuôi dưỡng tuổi thơ, là nguồn cội yêu thương không thể thay thế trong cuộc đời mỗi người.
- Quê hương cũng là chốn bình yên, chở che trước mọi bão giông của cuộc sống.
- Tình yêu quê hương giúp ta vững bước hơn trên hành trình trưởng thành và thôi thúc mỗi người phải biết sống có trách nhiệm, biết trân trọng cội nguồn.

PHẦN VIẾT

Câu 1

Phương pháp:

Vận dụng linh hoạt các thao tác lập luận, phân tích...

Cách giải:

1. Mở đoạn: Giới thiệu chung

2. Thân đoạn

- Vẻ đẹp quê hương vừa mang vẻ đẹp mạnh mẽ, kiên cường vừa mang vẻ đẹp mộc mạc, giản dị:
 - + “Những con đê cường tráng tựa vai nhau” – Hình ảnh nhân hóa cho thấy vẻ đẹp mạnh mẽ, kiên cường của quê hương, như những con người đoàn kết, bền bỉ chống chọi thiên tai.
 - + “Vẫn nở vàng một loài hoa nhỏ dại” – Gợi vẻ đẹp bình dị, mộc mạc nhưng bền bỉ, tượng trưng cho sức sống và phẩm chất của con người nơi quê nhà.
- Quê hương hiện lên vừa vững chãi vừa dịu dàng.
- Tình yêu quê hương và sự gắn bó sâu sắc với quê hương:
 - + Nỗi nhớ cồn cào khi xa quê, hình ảnh sóng là biểu tượng cho cảm xúc dâng trào: “Khi tôi đi sóng vỗ vào nỗi nhớ”
 - + Trở về quê là trở về với những giai điệu thân thuộc, đầy yêu thương.
- Cảm xúc chân thành, tha thiết với quê hương – nơi lưu giữ ký ức và nuôi dưỡng tâm hồn.
- Nghệ thuật:
 - + Ngôn ngữ thơ mộc mạc, tự nhiên, đậm chất trữ tình.
 - + Sử dụng linh hoạt các biện pháp tu từ: nhân hoá, ...
 - + Giọng điệu thiết tha, giàu cảm xúc

3. Kết đoạn: Tổng kết vấn đề

Câu 2

Phương pháp:

Vận dụng linh hoạt các thao tác lập luận, phân tích...

Cách giải:

1. Mở đoạn

Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: Sử dụng điện thoại thông minh cho hợp lí.

2. Thân đoạn

a. Giải thích

- Điện thoại di động, còn gọi là điện thoại thông minh, là loại điện thoại kết nối dựa trên sóng điện từ vào mạng viễn thông. Nhờ có kết nối sóng (kết nối không dây), mà điện thoại di động thực hiện trao đổi thông tin khi đang di chuyển.

b. Bàn luận

- Thực trạng: Điện thoại thông minh đang được học sinh sử dụng phổ biến trong nhiều trường học: Sử dụng điện thoại chưa đúng cách, chưa đúng mục đích.

- Nguyên nhân

+ Xã hội ngày càng phát triển, đời sống con người được nâng cao, điện thoại thông minh trở thành vật không thể thiếu đối với con người

+ Nhiều gia đình có điều kiện, chiều con nên trang bị cho con mình điện thoại nhiều chức năng nhưng lại không quản lí việc sử dụng của con em mình

- Hậu quả

+ Sử dụng điện thoại trong giờ học: không hiểu bài, hổng kiến thức.

+ Sử dụng điện thoại với mục đích xấu: ảnh hưởng đến đời sống tinh thần của những người xung quanh, vi phạm chuẩn mực đạo đức, vi phạm pháp luật.

- Giải pháp: Sử dụng điện thoại thông minh cho hợp lí.

+ Bản thân học sinh cần có ý thức tự giác trong học tập; cần biết sống có văn hóa, có đạo đức, hiểu biết pháp luật.

+ Gia đình: quan tâm hơn tới các em, gần gũi, tìm hiểu và kịp thời giáo dục con em...

+ Nhà trường, xã hội: siết chặt hơn trong việc quản lí.

HS lấy dẫn chứng minh họa phù hợp

c. Bài học nhận thức và hành động để sử dụng điện thoại thông minh cho hợp lí.

+ Nhận thức: Nhận thức được những ưu, nhược mà điện thoại thông minh mang lại cho con người để sử dụng chúng một cách hiệu quả, đem lại ích lợi cho cuộc sống, công việc cũng như trong học tập.

+ Hành động:

Biết kiểm soát chừng mực mỗi hành vi của mình, trang bị những kỹ năng sống cần thiết.

Sử dụng điện thoại đúng mục đích.

Đầu tư cho việc học tập, tránh lãng phí thời gian vô bổ.

3. Kết đoạn

- Khẳng định lại vấn đề nghị luận: Đừng lãng phí thời gian, bởi vì thời gian là vàng bạc – rất quý giá - Đừng để điện thoại hủy hoại cuộc sống của mình.